

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2024/KDTM-PT

Ngày: 26-6-2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Lương

Ông Lê Văn Phận

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Thúy Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2024/TLPT-KDTM ngày 08 tháng 5 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 07/2024/KDTM-ST ngày 25 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1650/2024/QĐ-PT ngày 03 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên V.

Địa chỉ: Số C, đường D, Khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trương Thị B - Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Văn N, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: Số nhà B, Khu phố A, Phường E, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

2. **Bị đơn:** Công ty Cổ phần V1.

Địa chỉ: Số B, đường N, ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Đức T - Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Trịnh Quốc L, sinh năm 1993 (có mặt).

Địa chỉ: Số nhà A P, Phường G, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Thiện L1, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: Số nhà D, Khu phố C, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn Công ty Cổ phần V1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên V và trong quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Năm 2019, Công ty Cổ phần V1 (gọi tắt là Công ty V1) trúng thầu thi công công trình Trường Tiểu học M thuộc xã M, huyện M, tỉnh Bến Tre. Công ty V1 tổ chức giao cho ông Nguyễn Thiện L1 là đội trưởng đội thi công số 2 của Công ty V1 tổ chức thi công công trình thông qua hình thức giao khoán nội bộ, trong đó ông Nguyễn Thiện L1 trực tiếp mua vật tư bên ngoài cho công trình và đem hóa đơn về Công ty V1 thanh toán thay. Ông Nguyễn Thiện L1 có mua vật liệu xây dựng của Công ty TNHH một thành viên V (gọi tắt là Công ty V). Trong quá trình mua bán hàng hóa, giữa ông L1 và Công ty V đều có tổ chức giao nhận vật tư là cát xây dựng, đá 1x2, thép xây dựng, xi măng các loại và xuất hóa đơn đầy đủ theo quy định của pháp luật. Khi đó ông L1 là đội trưởng đội thi công trực tiếp đặt hàng qua điện thoại, sau khi Công ty V giao hàng sẽ xuất hóa đơn cho bên mua hàng, phía mua hàng sẽ chuyển khoản thanh toán, Công ty V xuất hóa đơn điện tử gửi mail cho Công ty V1, còn hóa đơn giấy nếu có yêu cầu thì Công ty V sẽ xuất gửi cho Đội thi công. Sau đó, Công ty V1 cũng có chi trả cho Công ty V một số hóa đơn đã xuất nhưng còn một số hóa đơn Công ty V1 cố tình kéo dài thời gian thanh toán hoặc hẹn khi công trình có tiền về sẽ thanh toán đầy đủ. Tuy nhiên, theo Công ty V được biết các lần Công ty V1 thanh toán khối lượng đều được Chủ đầu tư thanh toán đầy đủ nhưng do Công ty V1 dùng vào việc khác mà không chi trả cho Công ty V. Số liệu cụ thể như sau: Đợt 1 ngày 20/12/2020 số hóa đơn 0000026 với số tiền 309.195.000 đồng, đã thanh toán vào ngày 09/02/2021; đợt 2 ngày 20/12/2020 số hóa đơn 0000027 với số tiền 177.368.000 đồng, đã thanh toán vào ngày 25/3/2021; đợt 3 ngày 02/02/2021 số hóa đơn 0000068 với số tiền 355.195.000 đồng, chưa thanh toán; đợt 4 ngày 02/3/2021 số hóa đơn 0000084 với số tiền 10.500.000 đồng, chưa thanh toán; đợt 5 ngày 06/3/2021 số hóa đơn 0000091 với số tiền 149.917.500 đồng, đã thanh toán vào ngày 16/4/2021.

Công ty V1 đã thanh toán cho Công ty V 03 hóa đơn số 0000026, 0000027, 0000091 với tổng số tiền là 636.480.500 đồng; còn lại 02 hóa đơn số 0000068,

0000084 với tổng số tiền là 365.695.000 đồng đến nay vẫn chưa thanh toán. Tổng số tiền Công ty V1 còn nợ Công ty V là 365.695.000 đồng. Tháng 5/2021, ông Phạm Đức T vào làm giám đốc Công ty V1 thì Công ty V không còn bán cho Công ty V1 nữa vì lúc đó Công ty V1 đã giao cho Công ty TNHH MTV V1 thi công công trình nên Công ty V trực tiếp bán cho công ty này. Khoản nợ trên Công ty V đã nhiều lần liên hệ Công ty V1 để giải quyết thì được trả lời là ông T không nắm và không biết, khi Công ty V yêu cầu ông L1 xác nhận thì ông T không chịu công nhận số nợ trên. Theo Công ty V tìm hiểu thì được biết Công ty V1 giao khoán cho đội mua hàng (có hợp đồng giao khoán rất rõ ràng), trong đó quy định khi các hóa đơn đem về công ty phải có trách nhiệm thanh toán thay cho đội trưởng đội thi công vì số tiền công trình được Chủ đầu tư thanh toán về cho Công ty V1 đã bị Công ty V1 cản trở hết các hóa đơn vật tư do đội thi công đem về, đội trưởng đội thi công chỉ hưởng số tiền còn lại sau khi đã trừ các chi phí hóa đơn này.

Đầu năm 2022, Công ty V tìm đến văn phòng Công ty V1 nhưng không gặp Giám đốc, Công ty V có làm việc với các phòng ban của Công ty và Trợ lý Giám đốc, các bên đã thống nhất về công nợ, hứa sẽ trình Giám đốc xác nhận công nợ cũng như cho biết lịch trình trả nợ. Tuy nhiên, đến nay phía Công ty V1 vẫn chưa thực hiện lời cam kết, không ký xác nhận công nợ, cũng không trả nợ cho Công ty V, những người làm việc với Công ty V đều đã nghỉ việc. Do đó, Công ty V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty V1 phải thanh toán số tiền 365.695.000 đồng và lãi suất chậm trả theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 là 10%/năm tính từ ngày 01/01/2022 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

Trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty Cổ phần V1 trình bày:

Công ty V1 thừa nhận có mua vật tư để thi công công trình Trường Tiểu học M, công trình do ông Nguyễn Thiện L1 là đội trưởng đội thi công số 2 phụ trách. Quá trình mua bán Công ty V1 đã thanh toán đủ tiền mua hàng cho Công ty V, không còn nợ số tiền nào. Công ty V1 không đồng ý việc Công ty V cho rằng Công ty V1 còn nợ số tiền 365.695.000 đồng của 02 hóa đơn vì Công ty V1 không có nhận được 02 hóa đơn của số tiền nợ trên. Công ty V1 không xác định được mua bao nhiêu đợt hàng cũng như không xác định được Công ty V1 đã nhận được bao nhiêu hóa đơn của Công ty V. Công ty V1 yêu cầu Công ty V cung cấp chứng cứ chứng minh cho việc mua bán, đơn đặt hàng, biên bản giao nhận hàng hóa. Nguyên tắc khi thanh toán, Công ty V1 sẽ kiểm tra các hóa đơn, chứng từ nếu hợp lệ thì sẽ thanh toán, không hợp lệ công ty sẽ không thanh toán, hóa đơn được xem là hợp lệ khi có cán bộ kỹ thuật của công ty kiểm tra hóa đơn trực tiếp tại công trình. Hồ sơ, chứng cứ ghi trong đơn khởi kiện không thể hiện được Công ty V1 có giao dịch mua bán hàng hóa, tồn tại công nợ, cụ thể: không có hợp đồng mua bán hàng hóa, đơn đặt hàng, biên bản giao nhận hàng hóa; các hóa đơn Công ty V trình bày trong đơn khởi kiện

Công ty V1 chưa nhận được và không hạch toán sổ sách. Về người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thiện L1, Công ty V1 xác nhận ông L1 là đội trưởng đội thi công của công ty, công ty G ông L1 thi công công trình và thanh toán các chi phí hợp lý theo chi tiết khối lượng vật tư và nhân công theo dự toán thầu thực hiện trong quá trình thi công mà công ty đã chấp nhận đầy đủ chứng từ. Công ty V1 không ủy quyền cho ông L1 thay mặt công ty mua vật tư bên ngoài. Bên cạnh đó, ông L1 cũng có công ty riêng (Công ty TNHH MTV V1), cùng thời điểm đó ông L1 cũng thi công các công trình lân cận. Vì vậy, việc giao nhận vật tư phát sinh cho các công trình phải có biên bản giao nhận hàng hóa do đại diện Công ty V1 xác nhận. Hiện tại, công trình Trường Tiểu học M và Đường ĐA.03 Minh Đức ông L1 không chấp nhận quyết toán và hoàn trả các chi phí đã tạm ứng vượt của công trình.

Trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thiện L1 trình bày:

Ông là Đội trưởng Đội thi công số 2 thi công công trình Trường Tiểu học M vào năm 2020, công trình do Công ty V1 là đơn vị trúng thầu thi công. Quá trình thi công công trình, ông đại diện Công ty V1 mua vật tư của Công ty V, hình thức mua hàng qua điện thoại, khi giao hàng sẽ xuất hóa đơn, ông đem hóa đơn về giao cho Công ty V1, Công ty V1 sẽ thanh toán cho Công ty V. Khi Công ty V giao hàng tại công trình thì không có cán bộ kỹ thuật của Công ty V1 kiểm tra hóa đơn trực tiếp tại công trình mà cán bộ kỹ thuật chỉ làm hồ sơ thanh toán. Ông đã giao 02 hóa đơn số 0000068 ngày 02/02/2021 và 0000084 ngày 02/3/2021 của Công ty V đã xuất để giao cho Phòng Xây dựng của Công ty V1 chuyển cho Ban giám đốc phê duyệt. Ông thống nhất với ý kiến của nguyên đơn về tổng số tiền mà nguyên đơn yêu cầu, các hóa đơn ông đã giao đủ về cho Công ty V1 nhưng Công ty V1 chưa thanh toán cho Công ty V nên Công ty V1 phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty V số tiền của 02 hóa đơn số 0000068 ngày 02/02/2021 và 0000084 ngày 02/3/2021 với tổng giá trị là 365.695.000 đồng.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 07/2024/KDTM-ST ngày 25 tháng 3 năm 2024, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn V.

Buộc Công ty cổ phần V1 phải hoàn trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn V số tiền mua vật liệu xây dựng là 365.695.000 đồng vốn gốc cộng với 81.773.000 đồng tiền lãi do chậm trả, tổng cộng là 447.468.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 03/4/2024, bị đơn Công ty cổ phần V1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Nội dung kháng cáo: Bị đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không tuân thủ trình tự tố tụng, cụ thể là không thông báo về việc thay đổi thẩm phán, người đại diện của bị đơn không được triệu tập nên không ủy quyền tham dự xét xử, phiên tòa xét xử không có đại diện Viện kiểm sát tham gia. Đồng thời, bị đơn cho rằng cấp sơ thẩm không xem xét đến chứng cứ và yêu cầu của bị đơn về thời hiệu khởi kiện, không có chứng cứ chứng minh giao dịch và tồn tại công nợ. Do đó, bị đơn kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý với kháng cáo của bị đơn; bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty Cổ phần V1, hủy Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 07/2024/KDTM-ST ngày 25 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, ngoài ra chưa thu thập tài liệu, chứng cứ đầy đủ về việc nghiệm thu và thanh lý hợp đồng giữa chủ đầu tư với Công ty V1 và giữa Công ty V1 với đội thi công nên chưa đủ cơ sở để thanh toán theo các hóa đơn tương ứng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, xét kháng cáo của bị đơn; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn Công ty V khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty V1 thanh toán tiền vật liệu xây dựng mà bị đơn đã mua của nguyên đơn để thi công công trình Trường Tiểu học M với tổng số tiền còn nợ là 365.695.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất chậm trả từ ngày 01/01/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 10%/năm.

Bị đơn Công ty V1 thừa nhận có mua vật liệu xây dựng của Công ty V để thi công công trình Trường Tiểu học M. Tuy nhiên, Công ty V1 cho rằng đã thanh toán đủ tiền mua hàng cho Công ty V, không còn nợ số tiền nào khác nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Công ty V.

[2] Xét kháng cáo của Công ty V1, nhận thấy:

Trong quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm, bị đơn Công ty V1 ủy quyền cho ông Huỳnh Minh Đ theo văn bản ủy quyền ngày 08/12/2023 với nội dung ủy quyền là thay mặt Công ty V1 tham gia phiên họp ngày 11/12/2023 theo Thông báo số 289/QĐST-DS ngày 24/11/2023; thời hạn ủy quyền đến khi kết thúc phiên họp ngày 11/12/2023. Sau khi kết thúc phiên họp ngày 11/12/2023, Công ty V1 không có nộp văn bản ủy quyền nào khác để ủy quyền cho ông Huỳnh Minh Đ tiếp tục tham gia tố tụng tại Tòa án. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 25/3/2024 người đại diện theo pháp luật của Công ty V1 là ông Phạm Đức T không có mặt cũng không có văn bản ủy quyền cho ông Huỳnh Minh Đ tham gia phiên tòa nhưng Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận cho ông Huỳnh Minh Đ tham gia phiên tòa với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của Công ty V1 và tiến hành xét xử vụ án.

Theo đơn kháng cáo của Công ty V1 và tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của Công ty V1 trình bày ông Phạm Đức T không được Tòa án cấp sơ thẩm triệu tập để tham gia phiên tòa và cũng không ủy quyền cho ông Huỳnh Minh Đ tham gia phiên tòa. Xét thấy, việc cấp sơ thẩm chấp nhận cho ông Huỳnh Minh Đ tham gia phiên tòa với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của Công ty V1 trong khi văn bản ủy quyền ngày 08/12/2023 đã hết thời hạn và chưa có văn bản ủy quyền khác thay thế là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, sai sót này cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên cần hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo đúng quy định pháp luật.

Bản án sơ thẩm bị hủy do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên cấp phúc thẩm không xem xét nội dung vụ án.

[3] Ngoài ra, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn mà nguyên đơn cung cấp thể hiện tên công ty được viết là “Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên V”, viết tắt là “C”. Tuy nhiên, trong quá trình tố tụng cấp sơ thẩm xác định nguyên đơn là “Công ty trách nhiệm hữu hạn V” là chưa đầy đủ tên đương sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của Công ty V cũng xác định tên đầy đủ của Công ty V là “Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên V”. Do đó, cấp phúc thẩm có điều chỉnh tên đương sự cho chính xác.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Án phí phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị hủy nên Công ty cổ phần V1 không phải chịu án phí phúc thẩm theo Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Hủy Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 07/2024/KDTM-ST ngày 25 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre xét xử vụ án “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” giữa nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên V với bị đơn Công ty cổ phần V1; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre để xét xử sơ thẩm lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Hoàn trả cho Công ty cổ phần V1 số tiền tạm ứng án phí là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004396 ngày 11/4/2024 và 0004419 ngày 07/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Huỳnh Ngọc Dũng